

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

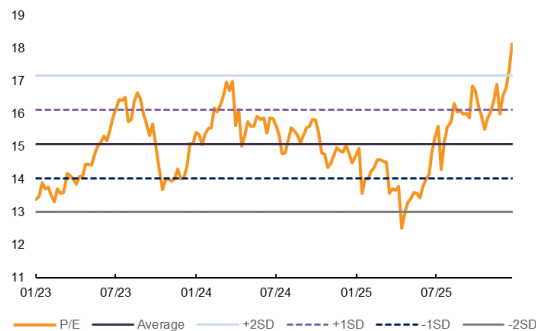
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.864,8	253,2	126,1
1 ngày (%)	-1,6	-0,1	1,0
1 tháng (%)	13,3	1,5	6,4
Từ 2026	4,5	1,8	4,2
1 Năm (%)	50,9	15,3	36,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.797	404	667
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,6	2,8	1,2
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

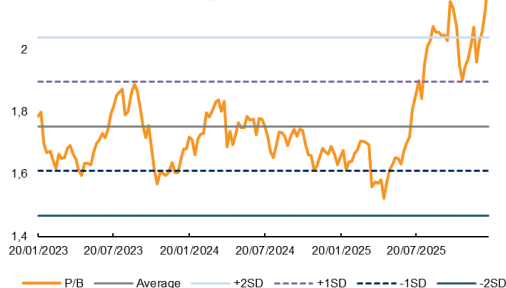
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Áp lực bán gia tăng khiến chỉ số kiểm nghiệm lại vùng 1.850 điểm

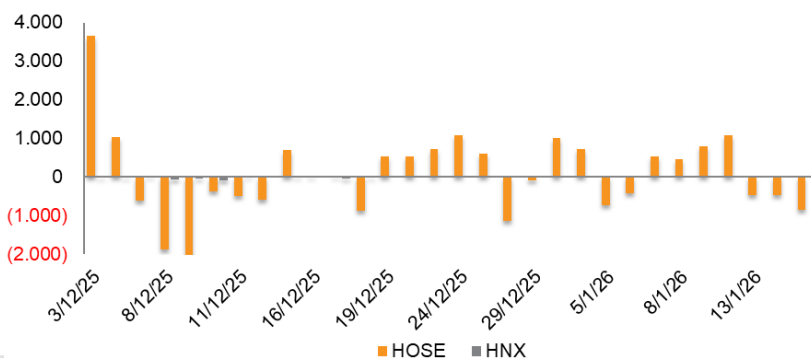
Áp lực chốt lời gia tăng rõ rệt trong phiên giao dịch ngày 15/01, bất chấp nỗ lực duy trì đà tăng của một số cổ phiếu vốn hóa lớn. Lực bán tập trung ở nhóm Bất động sản và Ngân hàng, tạo sức ép đáng kể lên chỉ số chung. Kết thúc phiên, VN Index đóng cửa tại 1.864,80 điểm, giảm 29,64 điểm (-1,56%). Độ rộng thị trường cho thấy phân hóa nhưng vẫn còn dấu hiệu tham gia của dòng tiền với 177 cổ phiếu tăng và 147 cổ phiếu giảm điểm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.047,48 điểm, giảm 19,62 điểm (-0,95%). Trong rổ VN30, số cổ phiếu tăng/giảm lần lượt là 13 và 17 cổ phiếu, cho thấy mức độ phân hóa rõ rệt trong nhóm vốn hóa lớn. Xét theo ngành, dòng tiền có sự luân chuyển mạnh. Những ngành ghi nhận diễn biến tích cực gồm Viễn thông (+5,26%), Bảo hiểm (+6,44%) và Hóa chất (+2,09%). Ngược lại, Bất động sản (-3,19%) và Ngân hàng (-2,18%) là hai nhóm giảm điểm chỉ số, đóng vai trò chính kéo lùi VN Index trong phiên.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE trong phiên đạt 39.537 tỷ đồng, giảm 6,42% so với phiên trước đó và duy trì trên ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất; việc này cho thấy dòng tiền vẫn tham gia nhưng mang tính chọn lọc và tập trung vào một số cổ phiếu/nhóm ngành nhất định. Áp lực chốt lời ở nhóm trụ, đặc biệt Bất động sản và Ngân hàng, làm tăng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn. Nếu lực bán tiếp tục lan rộng sang các cổ phiếu đã tăng mạnh, chỉ số có thể kiểm nghiệm các vùng hỗ trợ thấp hơn. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần và chờ đợi cơ hội mua khi thị trường có lực cầu quay trở lại. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Giữ lại phần danh mục chất lượng có nền tảng lợi nhuận tốt để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật. 2) Không mua đuổi trong phiên phục hồi yếu; chỉ xem xét mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và có dấu hiệu ổn định quanh vùng hỗ trợ. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm; chia nhỏ lệnh mua theo từng nhịp giảm để trung bình giá vào danh mục. 2) Tập trung chọn cổ phiếu cơ bản: doanh nghiệp có lợi nhuận ổn định, dòng tiền kinh doanh tốt và thanh khoản tương đối; tránh mua vào các cổ phiếu có thông tin cơ bản yếu hoặc thanh khoản rất thấp.

Ngành	Tỷ trọng VN Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	182,4	4,1	-0,7	11,2	-1,9	27,9	31,2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,5	27,2	3,2	1,4	8,7	8,0	19,9	-11,7
Năng lượng	2,3	36,8	1,9	0,3	42,6	31,1	24,9	-16,4
Tài chính	39,9	12,6	2,0	-1,7	17,1	11,0	42,1	4,3
Chăm sóc sức khỏe	0,5	24,5	2,8	0,6	5,9	2,0	9,2	7,8
Công nghiệp	7,8	38,3	5,8	1,0	8,4	2,3	125,4	35,7
Công nghệ thông tin	2,2	18,7	4,5	-0,9	5,8	3,6	-19,1	-25,0
Vật liệu xây dựng	5,9	17,6	1,9	-1,8	16,4	15,8	22,1	19,2
Bất động sản	24,4	87,1	5,5	-3,4	11,8	-5,8	427,3	65,2
Dịch vụ tiện ích	4,6	20,2	3,0	-2,1	45,1	29,3	43,2	-14,5

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: PPI tháng 11 tăng 0,2% sv tháng trước (sv. +0,4% trong tháng 10) và tăng 3,0% svck (sv. +2,8% svck trong tháng 10). PPI lõi đi ngang 0,0% sv tháng trước (sv. +0,4% trong tháng 10) và tăng 3,0% svck, không đổi so với kỳ trước.
- Mỹ: Doanh số bán lẻ tháng 11 +0,6% sv tháng trước (sv. -0,1% tháng 10) và tăng 3,3% svck, không đổi so với kỳ trước.
- Mỹ: Thâm hụt ngân sách tháng 12 đạt kỷ lục 145 tỷ USD (+67% svck) do chi tiêu vượt thu ngân sách. Thu ròng từ thuế quan giảm về 27,9 tỷ USD (sv. mức 30 tỷ USD gần đây).
- Chỉ số cước vận tải container toàn cầu (Drewry WCI) đạt 2.557 USD/FEU (40 ft) tính đến 08/01/2026 (+42% so với ngày 27/11/2025)—mức tăng mạnh nhất tại các tuyến xuyên Thái Bình Dương và tuyến Á – Âu, do 1) nhu cầu vận chuyển phục hồi mùa cao điểm sau năm mới, 2) rủi ro địa chính trị - căng thẳng an ninh tại khu vực Biển Đỏ buộc nhiều hãng tàu phải tránh kênh đào Suez..

Tin vĩ mô trong nước

- Chính phủ ban hành Nghị định 13/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026, hiệu lực 10/04/2026, thay đổi lịch công bố số liệu thống kê. Trong đó Báo cáo kinh tế-xã hội tháng/quý/năm sẽ công bố vào ngày mùng 3 hàng tháng (thay cho ngày mùng 6 trước đó).
- Bộ Tài chính ban hành Thông tư 121/2025/TT-BTC, hiệu lực 01/02/2026, thúc đẩy số hóa thủ tục hải quan, giảm hồ sơ giấy và quản lý dựa trên dữ liệu.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **VHC – Con gái Chủ tịch Vĩnh Hoàn mua vào 5,7 triệu cổ phiếu, nâng sở hữu gia đình lên gần 45%:** Bà Lê Ngọc Tiên, con gái Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch HĐQT CTCP Vĩnh Hoàn (HoSE: VHC), đã hoàn tất mua vào 5,7 triệu cổ phiếu VHC trong giai đoạn 7–12/01/2026 như đã đăng ký. Tỷ lệ sở hữu sau giao dịch: bà Lê Ngọc Tiên nắm 2,54% vốn điều lệ Vĩnh Hoàn. Giá trị ước tính giao dịch: khoảng 324,9 tỷ đồng, tạm tính theo giá đóng cửa 57.000 đồng/cp (07/01/2026). Sở hữu của Chủ tịch: bà Trương Thị Lệ Khanh đang nắm ~94,98 triệu cp (42,32%). Tổng sở hữu gia đình: ~100,68 triệu cp, tương đương 44,86% vốn điều lệ – tiếp tục củng cố quyền chi phối tại doanh nghiệp.
- **BID – BIDV phê duyệt phát hành riêng lẻ 264,07 triệu cổ phiếu, dự huy động ~10,3 nghìn tỷ đồng:** BIDV vừa công bố thông tin bất thường về kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp nhằm tăng cường năng lực tài chính và bổ sung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh (trong đó có tín dụng). Theo phương án được HĐQT phê duyệt, BIDV dự kiến phát hành 264,07 triệu cổ phiếu phổ thông với giá chào bán 38.900 đồng/cổ phiếu, qua đó ước huy động gần 10.300 tỷ đồng. Thời gian triển khai dự kiến trong quý I/2026; cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm
- **VIX – Lợi nhuận Q4/2025 bứt phá, xác lập kỷ lục mới:** Trong quý IV/2025, VIX ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 1.287 tỷ đồng, tăng gấp 11,5 lần so với cùng kỳ, đánh dấu một trong những quý có hiệu quả kinh doanh cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty. Động lực tăng trưởng chính đến từ mảng tự doanh (FVTPL) hưởng lợi mạnh từ diễn biến thị trường thuận lợi, cùng với hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán tăng trưởng đột biến.
- **TCX – Kế hoạch tăng vốn mạnh qua ESOP, cổ tức cổ phiếu và phát hành trái phiếu:** Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS) (mã TCX) công bố loạt kế hoạch tăng vốn và huy động nguồn lực tài chính trong quý I/2026, cho thấy định hướng mở rộng quy mô hoạt động trong giai đoạn tới. TCX dự kiến phát hành 275.475 cổ phiếu ESOP trong quý I/2026, qua đó nâng vốn điều lệ lên gần 23.116 tỷ đồng (≈ 879 triệu USD). Song song, công ty sẽ phát hành thêm 462,3 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức, giúp vốn điều lệ tăng lên hơn 27.738 tỷ đồng (≈ 1.054 triệu USD).

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số DXY và tỷ giá USD/VND tiếp tục có diễn biến ổn định tại 99,1 điểm và 26.270 đồng trong ngày 15/1.
- Theo Cục Thống kê Mỹ, doanh số bán lẻ tháng 11 tăng 0,6% svck và cao hơn dự báo 0,1 điểm phần trăm. Kết quả này củng cố kỳ vọng tăng trưởng GDP Mỹ trong Q4 sẽ duy trì vững. Nhu cầu tiêu dùng tăng của Mỹ hỗ trợ các ngành xuất khẩu định hướng thị trường Mỹ của Việt Nam, gồm dệt may, giày dép, nội thất, điện tử tiêu dùng và thủy sản. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể được thúc đẩy bởi luật thuế mới của Trump được Quốc hội thông qua, bắt đầu sớm nhất từ Q1/2026. Người tiêu dùng Mỹ kết thúc năm 2025 với sức mua mạnh và có thể tiếp tục tăng khi hoàn thuế bắt đầu được giải ngân trong năm mới..

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,60	-0,1	12,1	10,8	49,8
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	4,25	8,1	-42,6	157,6	1,2
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,62	4,3	-9,1	-19,8	28,5
USD/VND	26.271	0,0	0,2	0,1	-3,4
DXY	99,13	0,1	0,8	0,8	-9,1
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,14	0,1	-0,9	-0,7	-11,1
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,57	0,3	0,5	0,9	-17,6

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.616,30	-0,4	7,2	6,3	69,9
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	59,35	-4,3	4,5	3,4	-25,8
Dầu Brent (USD/b) 1 thân	63,69	-4,3	5,2	4,7	-22,4
Thép (USD/tấn)	468,0	0,0	1,1	0,3	-6,6
Thịt heo (USD/kg)	1,8	0,0	10,8	1,5	-18,9
Gạo (USD/tấn)	480,4	0,0	8,6	10,4	-28,6
Phân urea (USD/tấn)	368,5	3,8	2,4	7,6	16,1

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 13/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12.2025
Thứ Tư 14/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 11.2025
Thứ Năm 15/01/2026	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	8.468	3,0	3.956	62.100	73.300	18,9%	0,9%	20,9	3,3	17%
AST	125	0,0	5	73.000	85.400	20,4%	3,4%	14,5	5,1	38%
HVN	3.630	1,5	772	30.650	43.400	43,6%	2,0%	10,2	17,1	
VJC	3.721	16,7	842	180.500	113.600	-36,5%	0,6%	62,1	4,4	8%
Bán lẻ										
BAF	445	3,1	205	38.450	37.200	-3,3%		20,9	2,7	13%
DGW	362	2,8	98	43.000	49.600	16,5%	1,2%	17,8	2,9	17%
FRT	946	3,0	159	146.000	150.300	3,2%	0,2%	40,3	8,1	25%
MCH	8.145	3,8	2.835	165.000	147.000	-9,7%	1,2%	30,6	13,4	44%
MWG	4.727	21,5	67	84.000	96.300	15,8%	1,2%	21,3	4,0	20%
PNJ	1.318	2,5	0	101.500	109.900	9,3%	1,0%	15,2	2,9	21%
QNS	654	0,2	266	46.700	53.400	16,5%	2,1%	7,6	1,5	20%
SAB	2.573	2,8	1.071	52.700	59.900	17,5%	3,8%	16,0	3,0	18%
VHC	508	2,2	409	59.500	71.300	23,2%	3,4%	8,6	1,4	17%
VNM	5.648	11,8	2.795	71.000	74.800	9,4%	4,0%	19,1	4,4	24%
Tài chính										
ACB	4.869	10,2	70	24.900	31.300	29,2%	3,5%	7,4	1,4	20%
BID	13.550	7,1	1.721	50.700	47.200	-6,0%	0,9%	13,4	2,2	18%
CTG	11.826	18,8	2.088	40.000	49.000	23,3%	0,8%	9,3	1,8	22%
HDB	5.630	22,5	214	29.550	34.900	20,3%	2,2%	9,2	2,0	25%
LPB	4.719	4,1	195	41.500	33.400	-13,5%	6,0%	12,0	2,9	25%
MBB	8.355	27,3	127	27.250	32.900	22,6%	1,8%	9,0	1,7	21%
STB	4.148	21,6	664	57.800	45.700	-19,9%	1,1%	8,9	1,7	22%
TCB	9.603	18,3	0	35.600	40.300	16,0%	2,8%	11,4	1,5	14%
TPB	1.837	7,1	92	17.400	17.800	7,8%	5,5%	7,4	1,2	17%
VCB	22.868	13,9	1.962	71.900	69.300	-3,0%	0,6%	17,1	2,7	17%
VIB	2.384	4,5	0	18.400	23.600	31,6%	3,3%	8,3	1,4	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.758	25,4	443	29.000	37.100	29,7%	1,7%	11,1	1,5	14%
Dệt may										
MSH	153	0,6	67	35.700	40.600	24,9%	11,2%	6,9	1,8	28%
TCM	119	1,4	2	27.900	29.800	8,6%	1,8%	12,1	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	3.069	1,2	985	77.900	68.600	-10,7%	1,3%	22,0	3,8	18%
GMD	1.031	3,9	79	63.500	72.000	16,5%	3,1%	20,8	2,1	12%
HAH	370	5,0	85	57.600	55.400	-2,5%	1,3%	8,3	2,3	31%
VSC	313	7,9	146	21.950	19.100	-10,7%	2,3%	18,1	1,5	9%
IDC	571	3,2	213	39.500	45.600	19,2%	3,8%	8,1	2,3	31%
KBC	1.301	5,9	504	36.300	30.000	-16,3%	1,0%	19,4	1,4	7%
PHR	350	0,9	126	67.900	68.400	2,7%	2,0%	13,7	2,3	17%
VTP	598	3,4	263	128.900	129.200	1,1%	0,8%	53,2	9,0	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	973	11,8	417	67.300	128.300	95,1%	4,5%	8,6	1,6	20%
HPG	8.064	34,8	2.328	27.600	30.000	9,8%	1,1%	14,7	1,7	12%
Dầu khí										
BSR	3.945	7,5	1.883	20.700	16.700	-17,2%	2,1%	50,1	1,8	4%
GAS	9.460	4,7	4.428	103.000	78.400	-21,9%	2,0%	20,5	3,8	20%
OIL	571	0,8	34	14.500	14.800	3,8%	1,7%	45,9	1,4	3%
PLX	2.505	4,7	125	51.800	47.700	-5,6%	2,3%	26,4	2,6	10%
PVD	615	8,9	234	29.050	32.600	20,8%	8,6%	18,0	1,0	6%
PVS	773	7,9	267	39.700	41.800	6,9%	1,6%	14,0	1,4	11%
PVT	367	2,8	141	20.500	23.400	15,3%	1,1%	9,8	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	629	3,6	289	24.300	23.300	-0,6%	3,6%	21,3	1,5	7%
DCM	719	2,9	325	35.700	40.000	17,6%	5,6%	10,9	1,8	17%
DDV	157	1,3	73	28.300	39.700	43,5%	3,2%	24,6	2,3	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	86	0,2	41	28.000	34.100	23,6%	1,8%	19,0	1,7	9%
Điện										
POW	1.664	5,3	748	14.250	14.400	2,2%	1,2%	21,2	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	375	3,3	112	26.600	37.400	42,2%	1,6%	28,3	1,5	5%
PC1	401	3,1	145	25.600	26.500			21,0	1,8	9%
REE	1.285	1,0	0	62.300	76.600	24,3%	1,4%	13,0	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	675	12,5	169	15.950	18.300	27,3%	12,5%	39,1	1,3	3%
KDH	1.286	8,2	286	30.100	41.800	39,9%	1,0%	37,7	1,9	5%
NLG	576	3,4	36	31.200	42.200	36,7%	1,5%	16,2	1,3	9%
VHM	18.762	29,3	7.756	120.000	93.600			18,9	2,3	13%
VRE	2.720	15,7	946	31.450	32.000	5,1%	3,3%	14,7	1,6	11%
Công nghệ										
FPT	6.387	29,7	622	98.500	118.200	21,0%	1,0%	18,7	4,7	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA